

Số: 03/2017/QĐDS- ST;
Ngày 31/7/2017;
“V/v: Không công nhận là vợ
chồng giữa chị T và anh M”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT- TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

- Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Văn Đoàn- Thẩm phán.
- Thư ký phiên họp: Ông Bùi Văn Cảnh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên họp: Ông Y Lương Byă- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đắk Lắk mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 36/TLST- VDS- HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2017 về yêu cầu “*Không công nhận là vợ chồng*” theo Quyết định mở phiên họp số 01/2017/QĐPH- VDS ngày 21 tháng 7 năm 2017.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- 1.1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Có mặt).
- 1.2. Anh Phạm Thế M, sinh năm 1975; Địa chỉ: Phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Thế M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh chị là vợ chồng.
- Về con chung: Chị T và anh M có 01 con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 06/12/2009, anh chị thống nhất để cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.
- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán cũng như tại phiên họp Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết

việc dân sự các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Thẩm phán chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Thế M.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp. Tòa án nhân dân thành phố B nhận định:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh M và chị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh M, chị T có thời gian dài yêu thương chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình và có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014. Đến năm 2011 thì anh M và chị T chia tay và không sống cùng nhau nữa. Nay anh M và chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh chị là vợ chồng. Căn vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận anh M và chị T là vợ chồng.

- Về con chung: Anh M và chị T chung sống với nhau có một con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 06/12/2009. Hiện cháu K đang ở cùng với chị T và chị T có nguyện vọng được nuôi con. Đồng thời anh M đồng ý để cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân & gia đình giao con cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 29; Điều 144; Điều 149; Điều 367; Điều 370; Điều 371 và Điều 372 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Điều 15 và Điều 53 của Luật hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Thế M;

1.1. Về quan hệ về hôn nhân:

Tuyên bố: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Thế M là vợ chồng.

1.2. Về nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Đăng K, sinh ngày 06/12/2009.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp: Chị Nguyễn Thị T chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí việc dân sự, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí việc dân sự mà chị T đã nộp theo biên lai số 0000643 ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B. Chị T đã nộp xong tiền lệ phí.

3. Thông báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày mở phiên họp.

Đương sự vắng mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết họp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- P. Kiểm tra- Tòa án tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. B;
- Chi cục THADSTP. B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn